

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2018/HS-ST

Ngày: 20-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 374/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 386/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

1. Trần Hoàng T, sinh năm 1988 tại tỉnh Thái Bình; thường trú: Xóm 4, thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Thợ cắt tóc; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Hoàng N, đã chết và bà Đinh Thị M, sinh năm 1967; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 23/8/2015 đến ngày 11/8/2017 bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Hà Nội; nhân thân: Bản án số 127/2007/HSST ngày 12/7/2007, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 17/8/2007; Bản án số 219/2011/HSST 20/12/2011, Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/12/2012, đóng án phí ngày 11/7/2017; bị bắt tạm giam ngày 24/8/2018, có mặt tại phiên tòa.

2. Hà Văn T, sinh năm 1993 tại tỉnh Thanh Hóa; thường trú: Đội 2, T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; con ông Hà Xuân T, sinh năm 1971 và bà Vi Thị

T, sinh năm 1968; bị cáo có 01 chị gái sinh năm 1988; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 24/8/2018, có mặt.

- *Bị hại:* Anh Lê Duy C, sinh năm 1992; thường trú: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ: Khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Vi Tuấn A, sinh năm 1998; thường trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Bà Lò Thị L, sinh năm 1979; thường trú: Thôn V, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người chứng kiến:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994; thường trú: Thôn E, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: 324/14A Lê Hồng P, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Hoàng N, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1991; địa chỉ: 416A khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ: 40/11A khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hoàng T mở tiệm hớt tóc T tại địa chỉ 16K/7, khu phố B, phường B, thị xã T. Hà Văn T làm công nhân công ty giày da T, sinh sống tại 6P/6, khu phố B, phường B, thị xã T. Anh Lê Duy C làm công nhân ở công ty Vision tại khu công nghiệp Visip và tất cả có mối quan hệ quen biết, bạn bè với nhau.

Khoảng đầu tháng 6/2018, Lê Duy C mượn xe mô tô kiểu dáng Wave biển số 53P9 – 6794 của T để chạy xe chở khách. Tuy nhiên, anh C làm mất xe của T. Anh C và T thỏa thuận bồi thường xe mô tô giá 6.000.000 đồng. Anh C trả cho T 4.000.000 đồng, số còn lại C không trả, cố tình trốn tránh. Sự việc trên, T kể lại cho T cùng anh Nguyễn Văn T biết và dặn anh T nếu gặp được anh C thì báo ngay cho T biết để đến đòi nợ.

Đến khoảng 22 giờ ngày 23/08/2018, anh T nhìn thấy anh C đang đi bộ tại khu vực chợ T thuộc phường A, thị xã Thuận An nên rủ về phòng trọ của mình tại địa chỉ 324/14A, đường Lê Hồng P, khu phố T, phường T, thị xã D để uống rượu cùng với các anh C, V và Phạm Hoàng N. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, khi thấy anh C đã say và nằm ngủ trong phòng của mình, anh T nhắn tin báo cho

T biết. Lúc này, T đang ở tại tiệm tóc T nên rủ T đi công việc. T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ biển số 36B3 – 377.05 chở T đến địa chỉ 324/14A, đường Lê Hồng P, khu phố T, phường T, thị xã D. Tại đây, có anh T và anh N ngồi uống rượu trước cửa phòng. T và T dừng xe cách cửa phòng khoảng 05 mét thì anh T chỉ cho T thấy C đang nằm ngủ. T đứng bên ngoài trông xe còn T bước vào trong phòng của anh T và dùng tay kéo C ngồi dậy, dùng tay phải nắm 02 cái vào mặt C, sau đó nắm cổ áo kéo anh C ra khỏi phòng trọ và dẫn đi đến nơi T đang đợi. T yêu cầu anh C đi về tiệm tóc để giải quyết chuyện nợ tiền, do bị đánh bất ngờ và tương quan lực lượng chênh lệch nên anh C không dám phản ứng chống trả. T kéo anh C ra khỏi phòng thì T nhìn thấy. Tiếp đó, T dẫn anh C đến và nhờ T giữ anh C lại để T quay xe. Tâm dùng tay trái giữ vào vai của anh C. Sau khi quay xe xong, T dùng tay kéo anh C lên xe ngồi giữa, T lên xe ngồi sau giữ anh C. T điều khiển xe về tiệm tóc T.

Khi chạy được khoảng 500m đến trước công ty V thuộc khu phố C, phường T, thị xã D, anh C nhiều lần yêu cầu T cho xuống xe, nếu không sẽ nhảy xuống nhưng T không đồng ý. Khi thấy anh C vùng vẫy làm xe bị chao đảo, T bực tức, dừng xe lại rồi xông vào dùng tay nắm vào mặt, người của anh C khoảng 10 cái, sau đó quật anh C ngã xuống đất để tiếp tục đánh thì tổ tuần tra Công an phường T phát hiện nên đã lập biên bản người có hành vi phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ: Một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ biển số 36B3 – 377.05.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ biển số 36B3 – 377.05 do anh Vi Tuấn A làm chủ sở hữu hợp pháp, anh A không biết các bị cáo dùng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra Công an thị xã D đã lại xe cho anh A.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn T, tuy giúp cho bị cáo T tìm ra bị hại nhưng chỉ dừng lại với mục đích giúp giải quyết nợ. Anh T không được T bàn bạc, rủ rê, không tham gia, giúp sức, hỗ trợ bắt giữ bị hại nên không đủ yếu tố cấu thành tội bắt người trái pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Duy C có đơn xin từ chối giám định thương tích và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên trách nhiệm dân sự không xem xét.

Tại bản cáo trạng số: 377/QĐ - VKS ngày 31 tháng 10 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Hoàng T và Hà Văn T về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Hoàng T mức hình phạt từ 09 tháng đến 12

tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hà Văn T mức hình phạt từ 08 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoàng T, Hà Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trong bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến cũng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Khoảng 23 giờ ngày 23/08/2018, tại địa chỉ 324/14A, đường Lê Hồng P, khu phố T, phường T, thị xã D, Trần Hoàng T vào trong phòng của anh T, kéo anh C ngồi dậy, dùng tay phải nắm 02 cái vào mặt anh C, sau đó nắm cổ áo kéo anh C ra khỏi phòng trọ và dẫn đi đến xe nơi T đang đợi. Trần Hoàng T nhờ T giữ anh C lại để T quay xe. T dùng tay trái giữ vào vai của anh C. Sau khi quay xe xong, T dùng tay kéo anh C lên xe ngồi giữa, T lên xe ngồi sau giữ anh C lại để T điều khiển xe về tiệm tóc T. Khi chạy được khoảng 500m đến trước công ty V thuộc khu phố C, phường T, thị xã D, anh C nhiều lần yêu cầu T cho xuống xe, nếu không sẽ nhảy xuống nhưng T không đồng ý. Khi thấy anh C vùng vẫy làm xe bị chao đảo, T bực tức, dừng xe lại rồi xông vào dùng tay nắm vào mặt, người của anh C khoảng 10 cái, sau đó quật anh C ngã xuống đất để tiếp tục đánh thì tổ tuần tra Công an phường T phát hiện, lập biên bản người có hành vi phạm tội quả tang.

[3] *Tại Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:*

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4] Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Hoàng T và Hà Văn T đã đủ yếu tố cấu thành Tội bắt người trái pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Do đó, Cáo trạng số 377/QĐ - VKS ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo Trần Hoàng T và Hà Văn T là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Xét tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người bị hại một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi bắt người trái pháp luật là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Triều hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Xét vai trò của các bị cáo, trong vụ án này, bị cáo Trần Hoàng T là người rủ rê T và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hà Văn T là người giúp sức cho T ôm anh C để T điều khiển xe.

[8] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[9] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Hà Văn T còn thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[10] Về nhân thân: Bị cáo Trần Hoàng T là người có nhân thân xấu. Bản án số 127/2007/HSST ngày 12/7/2007, Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt ngày 17/8/2007; bản án số 219/2011/HSST 20/12/2011, Tòa án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/12/2012, đóng án phí ngày 11/7/2017. Ngày 23/8/2015 đến ngày 11/8/2017 bị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy theo Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND quận B, thành phố Hà Nội. Bị cáo Hà Văn T là người chưa có tiền án tiền sự, là lao động nghề nghiệp công nhân.

[11] Xét thấy, bị cáo Hà Văn T phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội và việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo cũng như trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét bị cáo là người lao động có thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng quy định khấu trừ một phần thu nhập, khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Đối với xe mô tô hiệu Honda Wave Alpha màu đỏ biển số 36B3 – 377.05 do anh Vi Tuấn Ân làm chủ sở hữu. Anh Ân không biết các bị cáo sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cơ quan điều tra Công an thị xã D trả lại cho anh Ân là phù hợp.

[14] Đối với hành vi của Nguyễn Văn T, tuy giúp cho bị cáo T tìm ra bị hại nhưng chỉ dừng lại với mục đích giúp giải quyết nợ. Anh T không được T bàn bạc, rủ rê, không tham gia, giúp sức, hỗ trợ bắt giữ bị hại nên không đủ yếu tố cấu thành tội bắt người trái pháp luật.

[15] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Hoàng T và Hà Văn T phạm tội bắt người trái pháp luật.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/8/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 08 (tám) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, được khấu trừ vào thời hạn tạm giam từ ngày 24/8/2018 đến ngày 20/11/2018, tương đương 08 (tám) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ (bị cáo đã chấp hành xong).

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Hoàng T và Hà Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND nơi cư trú của các bị cáo;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền